TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TAN CHÂU** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 387/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20-9-2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Thế Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thế Phương

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Anh

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Công Minh, Thư ký Toà án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang: Không tham gia.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 341/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/8/2019 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Gia Đ, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 12/8/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày: Giữa chị M với anh Đ tự tìm hiểu trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên hai người về sống chung với nhau vào năm 2002, hai người không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Hai người sống hạnh phúc được 17 năm thì xảy ra mâu

thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ thay đổi về tình cảm không còn thương vợ con nữa, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị M xin được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị M với anh Đ có với nhau 02 người con chung tên Trần Đình Anh T, sinh ngày 07/12/2003 và Trần Gia M, sinh ngày 07/6/2011 hiện cháu T đang sống với chị M và cháu M sống với anh Đ, nay chị M yêu cầu được nuôi cháu T và giao cho anh Đ nuôi cháu M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị M cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Gia Đ trình bày: Giữa anh với chị M tự tìm hiểu trước và được cha mẹ hai bên đồng ý nên hai người về sống chung với nhau vào năm 2002, hai người không có tổ chức lễ cưới và cũng không có đăng ký kết hôn. Hai người sống hạnh phúc được 17 năm thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Nay tình cảm vợ chồng không còn, anh Đ đồng ý ly hôn với chị M.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ với chị M có với nhau 02 người con chung tên Trần Đình Anh T, sinh ngày 07/12/2003 và Trần Gia M, sinh ngày 07/6/2011 hiện cháu T đang sống với chị M và cháu M sống với anh Đ, nay anh Đ yêu cầu được nuôi cháu M và giao cho chị M nuôi cháu T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Đ cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án tiến hành lập biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản hòa giải nhưng không thành.

Hội đồng xét xử công bố biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Anh T và cháu Gia M.

Tại phiên tòa, chị M và anh Đ giữ nguyên yêu cầu.

Chị M và anh Đ xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Tuyết M khởi kiện "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung" với anh Trần Gia Đ, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Tổ 7, ấp Tân Phú B, xã Tân An, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

Sự vắng mặt của đương sự: Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa.

Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2002, chị M và anh Đ tự tìm hiểu yêu thương và được cha mẹ hai bên đồng ý, đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và hai người không có đăng ký kết hôn.

Chị M và anh Đ khai thống nhất với nhau, hai người về sống chung với nhau vào năm 2002 nhưng không tổ chức lễ cưới và cũng không đến cơ quan nhà nước đăng ký kết hôn, từ đó đến nay cả hai anh, chị đều đã đến tuổi đăng ký kết hôn. Nhưng giữa chị M với anh Đ không thực hiện nghĩa vụ đi đăng ký kết hôn, nên quan hệ giữa chị M với anh Đ không làm phát sinh nghĩa vụ vợ chồng theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nay chị M với anh Đ thống nhất thuận tình ly hôn nhau, xét thấy không hợp lý nên không được công nhận. Do đó, HĐXX nên tuyên không công nhận giữa chị M với anh Đ là vợ chồng, phù hợp pháp luật.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh Đ với chị M có 02 người con chung tên Trần Đình Anh T, sinh ngày 07/12/2003 và Trần Gia M, sinh ngày 07/6/2011 hiện cháu T đang sống với chị M và cháu M sống với anh Đ, nay anh Đ và chị M thống nhất giao cho anh Đ được nuôi cháu M và chị M nuôi cháu T. Nguyện vọng của cháu T muốn được sống với chị M và cháu M muốn được sống với anh Đ. Chị M với anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.;

Xét, sự thỏa thuận trên của chị M với anh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

Chị M, anh Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị M, anh Đ qua lại trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Chị M và anh Đ không yêu cầu cấp dưỡng để nuôi dạy con chung. Xét, được Hội đồng xét xử công nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị M với anh Đ khai thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết. Xét, không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; anh Trần Gia Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 14 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Xử: Không công nhận giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M với anh Trần Gia Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị Tuyết M với anh Trần Gia Đ giao cháu Trần Đình Anh T, sinh ngày 07/12/2003 cho chị M nuôi dưỡng và cháu Trần Gia M, sinh ngày 07/6/2011 cho anh Đ nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu T muốn được sống với chị M và cháu M muốn được sống với anh Đ.

Chị M, anh Đ cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở chị M, anh Đ qua lại trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về cấp dưỡng: Chị M với anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau trong việc nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị M với anh Đ thống nhất không có, không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu *300.000 (ba trăm nghìn) đồng* án phí được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số: 0001793 ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Anh Trần Gia Đ không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Tuyết M với anh Trần Gia Đ có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX.Tân Châu;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HSVA, VP.

Ngô Thế Minh